

**TÒA ÁN NHÂN D
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2021/DS-PT
Ngày: 05-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN D TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Phúc

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thiện Tâm

Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Tòa án nhân D tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D tỉnh Long An tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 11 năm 2020, ngày 01 tháng 4 và ngày 5 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân D tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2020/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

Do Bản án D sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân D thị xã Kiến Tường bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 456/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 11 năm 2020 và thông báo mở lại phiên tòa số 37/2021/TB-TA ngày 17/3/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Số nhà A, ấp, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1974;

2.2. Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1975;

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị D

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020, biên bản hòa giải ngày 17/8/2020 và tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ L trình bày:

Bà D có tham gia các dây hui mà bà L là chủ thảo như sau:

Dây hội mở ngày 25/9/2016 (ngày 25/8/2016 al), hội 10.000.000đồng, 4 tháng khui 1 lần, hội có 16 phần, bà D tham gia 1 phần đã hốt hội tại kỳ hội thứ 9, còn 6 kỳ nữa mãn hội, nhưng đến hạn góp hội chết 2 lần, mỗi lần 10.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng (góp thay) cho bà D 20.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn (còn kỳ nữa mới mãn hội).

Dây hội mở ngày 14/7/2018 (ngày 02/6/2018 al), hội 5.000.000đồng, 3 tháng khui 1 lần, hội 15 phần, bà D 1 phần đã hốt hội, nhưng đến hạn góp hội chết 5 lần, mỗi lần 5.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng cho bà D 25.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn.

Dây hội mở ngày 8/4/2017 (ngày 12/3/2017 al), hội 5.000.000đồng, 3 tháng khui hội 1 lần, hội 19 phần, bà D tham gia 1 phần đã hốt hội, nhưng đến hạn góp hội chết 3 lần, mỗi lần 5.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng hội cho bà D 15.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn.

Dây hội mở ngày 25/9/2017 (ngày 06/8/2017 al), hội 5.000.000đồng, 3 tháng khui 1 lần, hội 20 phần, bà D tham gia 1 phần đã hốt hội, nhưng đến hạn góp hội chết 3 lần, mỗi lần 5.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng hội cho bà D 15.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn.

Dây hội mở ngày 24/6/2017 (ngày 01/6/2017 al), hội 5.000.000đồng, 2 tháng khui 1 lần, hội 20 phần, bà D tham gia 1 phần, đã hốt hội, nhưng đến hạn góp hội chết 5 lần, mỗi lần 5.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng hội cho bà D 25.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn.

Dây hội mở ngày 10/2/2018 (ngày 25/12/2017 al), hội 5.000.000đồng, 2 tháng khui 1 lần, hội 15 phần, bà D tham gia 1 phần đã hốt hội, nhưng đến hạn góp hội chết 2 lần, mỗi lần 5.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng hội cho bà D 10.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn.

Dây hội mở ngày 07/11/2015 (ngày 26/9/2015 al), hội 5.000.000đồng, 4 tháng khui 1 lần, hội 16 phần, bà D tham gia 1 phần đã hốt hội, nhưng đến hạn góp hội chết 2 lần, mỗi lần 5.000.000đồng bà D không góp nên bà đã choàng hội cho bà D 10.000.000đồng, dây hội này đến ngày bà khởi kiện chưa mãn.

Tổng cộng 7 dây hội trên đến ngày khởi kiện bà L đã choàng hội cho bà D 120.000.000đồng nên bà L yêu cầu bà D và ông N phải trả cho bà số tiền là 120.000.000đồng đến ngày bà khởi kiện là ngày 11/6/2020 (dl).

Ngoài ra, ngày 10/8/2019 bà L và bà D có chốt các dây hội khác bà D tham gia hội đã mãn, bà D còn nợ bà L số tiền hội là 344.860.000đồng và bà D có ký nhận nợ số tiền là 344.860.000đồng; Nay bà L yêu cầu bà D và ông N phải liên đới trả hai khoản nợ như đã nêu tổng cộng là 464.860.000đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/8/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Đối với các dây hội ngày 25/9/2016; ngày 14/7/2018; ngày 08/4/2017; ngày 25/9/2017; ngày 24/6/2017; ngày 10/02/2018; ngày 07/11/2015 là bà thừa nhận có tham gia và đã hốt hội, nhưng sau đó bà có hốt dây hội 10.000.000đồng mở ngày 28/8/2016 được số tiền 114.780.000đồng bà L đã trừ toàn bộ số tiền này vào tiền hội chết mà bà D đã hốt ở các dây hội ngày 25/9/2016; ngày 14/7/2018; ngày 08/4/2017; ngày 25/9/2017; ngày 24/6/2017; ngày 10/02/2018; ngày 07/11/2015.

Bà D xác định là không còn nợ tiền hội chết 120.000.000đồng như bà L đã trình bày nên bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Đối với biên nhận nợ ngày 10/8/2019 bà D xác định là bà có ký nhận nhưng do bà L ép buộc phải nhận nợ số tiền là 344.860.000đồng, chứ thực tế bà không nợ tiền hội hay kết hội gì với bà L, lúc đó bà L đóng cửa nhà không cho bà về và dùng vũ lực ép buộc, khống chế, khiến bà không còn tỉnh táo, hoảng loạn nên đã ký nhận nợ. Vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/8/2020 bị đơn ông Nguyễn Thanh N trình bày: Việc tham gia góp hội, nhận nợ của bà D đối với bà L là ông không biết. Nay bà L yêu cầu ông liên đới trả nợ cùng với bà D ông không đồng ý.

Tại bản án D sự sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 04/9/2020 của Tòa án nhân D thị xã Kiến Tường đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N về việc “tranh chấp hợp đồng góp hội”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền hội là 464.860.000đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật D sự.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới chịu 22.594.000đồng (hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí D sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.297.000đồng (mười một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009316 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án D sự thị xã Kiến Tường.

Ngày 11/9/2020 bà Nguyễn Thị D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cầu tòa án cấp phúc xét xử theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Phản tranh luận:

Bà D trình bày:

Khi bà hót dây hội 10.000.000đồng được số tiền 114.780.000đồng đáng lẽ bà L phải giao hội cho bà sau 5 ngày kể từ ngày khai hội, nhưng đến ngày 05/8/2019 (âm lịch) bà L và bà chốt nợ hội. Bà L không giao cho bà số tiền hội đã hót được là 114.780.000đồng mà cản trừ tiền hội chết của chính dây hội 10.000.000đồng và 6 dây hội 5.000.000đồng bà đã giam gia. Bà thừa nhận 6 dây hội 5.000.000.000đồng mà bà L khởi kiện bà có tham gia và đã hót hội. Tuy nhiên, do bà L cản trừ hết số tiền hót hội 114.780.000đồng vào tiền hội chết của 6 dây hội

5.000.000đồng và dây hui 10.000.000đồng nên từ ngày 05/8/2019 (âm lịch) đến nay bà không đóng hui chết cho bà L.

Đối với tiền 344.860.000đồng bà ký nhận theo hóa đơn bán lẻ ngày 10/8/2019 (al) thì lúc đó bà chỉ vào tờ hóa đơn trống không có nội dung, sau khi ký bà nói với bà L là có một tờ hóa đơn trống và yêu cầu bà L xé bỏ đi, bà L hứa sẽ xé bỏ tờ hóa đơn này nhưng sau đó bà L không xé mà ghi vào bà còn nợ bà L số tiền 344.860.000đồng và làm căn cứ khởi kiện. Thực tế bà không nợ bà L số tiền nào cả, do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Bà L trình bày:

Số tiền bà D hót hui 114.780.000đồng bà đã giao cho bà D theo biên nhận ngày 05/8/2019 (al) và bà D đã ký tên nhận đủ tiền. Bà D cho rằng bà không giao tiền hui cho bà D mà căn trừ hết vào hui chết chưa đóng của dây hui 10.000.000đồng và 6 dây hui 5.000.000đồng là không đúng vì nếu căn trừ vào hui chết hết số tiền 114.780.000đồng và không giao tiền thì tại sao bà D lại ký tên vào biên nhận ngày 5/8/2019 (al). Sau khi hót hui bà D không đóng lại hui chết nên bà đã choàng hui cho bà D để giao hui cho các hui viên khác. Bà D cho rằng ngày 5/8/2019 (al) hai bên đã chốt nợ và căn trừ tiền hui bà D không còn nợ là không đúng vì không có việc căn trừ như bà D trình bày.

Đối với số tiền 344.860.000đồng bà D nói ký vào tờ hóa đơn trống không có nội dung là không đúng, trước đây bà D khai do bà đóng cửa nhà, ép buộc bà D ký tên nhận nợ số tiền 344.860.000đồng nên sau đó bà D có báo công an xã tên Đức, nhưng giờ bà D khai là ký vào tờ hóa đơn trống như vậy lời trình bày của bà D là không đúng. Số tiền nợ 344.860.000đồng là tiền nợ hui của các dây hui trước đó bà D đã hót hui nhưng chưa đóng đủ hui chết bà đã choàng hui cho bà D để giao hui cho các hui viên khác, đến ngày 10/8/2019 (al) hai bên chốt nợ bà D thống nhất mới ký tên vào giấy nợ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kháng cáo của bà D đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng D sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm có thu thập thêm chứng cứ, việc thu thập chứng cứ của Tòa án cấp phúc thẩm đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án:

Đối với số tiền 120.000.000đồng hui chết của 7 dây hui bà L đang khởi kiện. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D xác định sau khi hót hui của dây hui 10.000.000đồng vào ngày 5/8/2019 (al) được số tiền 114.780.000đồng bà L không giao tiền mà căn trừ vào hui chết của 6 dây hui 5.000.000đồng và hui chết của dây hui 10.000.000đồng đang hót nên bà không nhận của bà L số tiền nào cả. Bà D xác định do đã căn trừ hết hui chết nên từ ngày 5/8/2019 (al) đến nay bà không đóng hui chết cho bà L. Tuy nhiên, bà D không cung cấp được chứng cứ có việc căn trừ tiền hót hui vào hui chết mà bà D thừa nhận chữ ký của bà trong biên nhận ngày

5/8/2019 (al) với nội dung nhận đủ số tiền 114.780.000đồng. Do đó bà L khởi kiện yêu cầu bà D trả tiền hối chết 120.000.000đồng là có cơ sở.

Đối với số tiền 344.860.000đồng theo hóa đơn bán lẻ ngày 10/8/2019 (al). Bà D thừa nhận chữ ký trong hóa đơn này là của bà D. Trong giai đoạn sơ thẩm bà D trình bày bị bà L đóng cửa nhà, ép buộc bà ký tên, sau khi ký tên thì ngày 11/8/2019 âm lịch tức ngày 09/9/2019 dương lịch bà D có đến Công an xã Thạnh Hưng gặp người tên Đức để báo sự việc bà bị bà L ép buộc ký tên nhận nợ nhưng không được công xã tên Đức lập biên bản về việc này. Căn cứ vào công văn số 01/CAX ngày 28/12/2020 của Công an xã Thạnh Hưng thể hiện trong thời gian 11/8/2019 âm lịch tức ngày 09/9/2019 dương lịch Công an xã Thạnh Hưng không có tiếp nhận trường hợp đến trình báo sự việc có liên quan đến bà Nguyễn Thị D và trong thời gian trên lực lượng Công an xã Thạnh Hưng không có người tên Đức. Tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày bà L đưa cho bà ký tên vào 3 tờ hóa đơn có nội dung và 1 tờ hóa đơn trống không có nội dung, khi phát hiện ký tên vào tờ hóa đơn trống không có nội dung thì bà D có yêu cầu bà L xé bỏ, bà L có hứa là sẽ xé bỏ nhưng sau đó bà L không xé mà ghi bà D còn nợ bà L số tiền 344.860.000đồng. Như vậy, lời trình bày của bà D không thống nhất có sự mâu thuẫn, bà D thừa nhận chữ ký tên trong hóa đơn bán lẻ ngày 10/8/2019 (al) là của bà, nội dung trong tờ hóa đơn này thể hiện bà D còn thiếu bà L số tiền 344.860.000đồng nên bà L yêu cầu bà D trả số tiền 344.860.000đồng là có cơ sở. Vì vậy, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị D đúng quy định của pháp luật nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bà D đề nghị tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L.

[3] Về số tiền hối chết 120.000.000đồng bà L yêu cầu bà D phải trả đến ngày L khởi kiện (ngày 11/6/2020 bà L khởi kiện thì các dây hối này chưa mãn).

[3.1] Bà D thừa nhận có tham gia 7 dây hối theo đơn khởi kiện của bà L và thừa nhận 6 dây hối 5.000.000đồng đã hết hối rồi, chỉ còn lại nghĩa vụ đóng hối chết. Đối với dây hối 10.000.000đồng mở ngày 25/9/2016 (âm lịch) bà D cũng thừa nhận đã hết hối vào kỳ hối thứ 9 được số tiền 114.780.000đồng và còn lại 6 kỳ hối chết đến khi mãn hối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng D sự xác định đây là tình tiết không cần chứng minh.

[3.2] Bà D cho rằng số tiền hết hối 114.780.000đồng bà L không giao cho bà mà cản trở vào tiền hối chết của 6 dây hối 5.000.000đồng và tiền hối chết của chính dây hối 10.000.000đồng bà đang hết. Lời trình bày của bà D về việc cản trở tiền hết hối vào hối chết không được bà L thừa nhận, bà D không cung cấp được chứng cứ nào chứng minh có việc cản trở này, trong khi biên nhận ngày 5/8/2019 (al) có nội dung bà D có mượn bà L số tiền 114.780.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L và bà D xác định số tiền 114.780.000đồng là tiền bà D hết hối chứ không phải tiền mượn, phần cuối của biên nhận có ghi rõ người mượn đã nhận đủ tiền và bà D thừa nhận chữ ký trong biên nhận này là của bà D. Do đó, có cơ sở

xác định bà D có nhận số tiền hốt hụi 114.780.000đồng, không có việc cản trừ số tiền hốt hụi vào hụi chết như lời trình bày của bà D.

[3.3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D xác định kể từ ngày nhận tiền hốt hụi (ngày 5/8/2019 al) cho đến nay bà không đóng hụi chết cho bà L. Như nhận định tại phần [3.2] không có việc cản trừ số tiền hốt hụi vào hụi chết nên việc bà L khởi kiện yêu cầu bà D phải trả số tiền hụi chết kể từ hốt hụi ngày 5/8/2019(al) đến ngày bà L khởi kiện (ngày 11/6/2020 dl) với số tiền 120.000.000đồng là có cơ sở chấp nhận. Do đó, cấp sơ thẩm buộc bà D phải trả cho bà L 120.000.000đồng tiền hụi chết kể từ ngày 5/8/2019(al) đến ngày bà L khởi kiện (ngày 11/6/2020- dương lịch) là có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo phần này của bà D.

[4] Về số tiền 344.860.000đồng bà D kháng cáo không đồng ý trả cho bà L vì cho rằng không nợ bà L số tiền này. Xét thấy:

[4.1] Bà D thừa nhận chữ ký trong tờ hóa đơn bán lẻ ghi ngày 10/8/2019 (al) là của bà D. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà D trình bày do bà L đóng cửa nhà không cho bà D về và ép buộc bà D ký nhận nợ số tiền 344.860.000đồng nên bà mới ký nhận số tiền trên, sau khi ký nhận bà không nói cho chồng bà biết mà đến ngày 11/8/2019(al) tức ngày 9/9/2019 (dương lịch) bà D có đến Công an xã Thanh Hưng gặp người tên Đức trình báo về việc bị bà L ép buộc ký tên nhưng Công an xã không lập biên bản về việc này. Căn cứ vào công văn số 01/CAX ngày 28/12/2020 của Công an xã Thanh Hưng thể hiện trong thời gian ngày 11/8/2019 (âm lịch) tức ngày 9/9/2019(dương lịch) Công an xã Thanh Hưng không tiếp nhận trường hợp đến trình báo sự việc liên quan đến bà Nguyễn Thị D và trong thời gian trên Công an xã Thanh Hưng không có người tên Đức. Tại văn bản trả lời xác minh ngày 05/4/2021 của Công an xã Thanh Hưng có nội dung: Trước đây ông Trần Kinh Đức, sinh năm 1980 giữ chức vụ Trưởng công an xã Thanh Hưng từ năm 2013 đến tháng 5 năm 2019. Từ tháng 6 năm 2019 chuyển sang làm công chức Tư pháp xã Thanh Hưng, đến tháng 5 năm 2020 chuyển sang làm công chức văn hóa xã hội cho đến nay. Khoảng tháng 8 năm 2019 bà Nguyễn Thị D có đến gặp ông Đức (lúc này bà D chưa biết ông Đức không còn làm trưởng công an) báo miệng nói bị bà L bắt ký giấy nợ nhưng bà không nợ tiền bà L. Sau đó ông Đức hỏi bà D có bị cưỡng chế, ép buộc ký vào giấy nợ không thì bà D nói không bị cưỡng chế, ép buộc, bà ký xong rồi bà mới hỏi bà L coi giấy gì thì bà L nói giấy nợ tiền thì bà D mới phát hiện. Sau đó ông Đức có nói với bà D nếu bà bị cưỡng chế, ép buộc ký tên thì bà viết đơn chuyển sang công an giải quyết, nhưng đến nay công an xã Thanh Hưng không nhận được bất kỳ đơn thư nào của bà D. Như vậy, việc bà D cho rằng bị bà L ép buộc ký nhận nợ là không có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Tại phiên tòa phúc thẩm bà D trình bày bà L đưa cho bà ký tên vào 3 tờ hóa đơn bán lẻ có ghi nội dung và có một tờ hóa đơn bán lẻ còn trống bà L không ghi nội dung nhưng bà D đã lỡ ký tên vào tờ hóa đơn trống này nên bà có kêu bà L xé bỏ đi, bà L có hứa sẽ xé bỏ nhưng sau đó bà L không xé bỏ tờ hóa đơn này mà ghi vào đó bà còn nợ bà L số tiền 344.860.000đồng và dùng tờ hóa đơn này làm căn cứ khởi kiện yêu cầu bà D phải trả số tiền 344.860.000đồng. Như vậy, lời trình bày của bà D ở phần [4.1] tại cấp sơ thẩm và [4.2] tại cấp phúc thẩm có mâu thuẫn nhau nhưng bà D không giải thích được sự mâu thuẫn này.

[4.3] Bà D xác định bà không có nợ bà L số tiền 344.860.000đồng nên không đồng ý trả. Bà L trình bày số tiền 344.860.000đồng là D nợ tiềnhui chết của các đây hui sau: Hui 5.000.000đồng mở ngày 10/10/2017 (al), hui 5.000.000đồng 1 tháng mở ngày 10/02/2017 (al), hui 5.000.000đồng 1 tháng mở ngày 17/4/2017 (al), hui 5.000.000đồng 1 tháng mở ngày 05/6/2017 (al), hui 1.000.000đồng 1 tháng mở ngày 15/12/2017 (al), hui 5.000.000đồng 1 tháng mở ngày 30/6^{sau}/2017 (al) và được hai bên đối chiếu các khoản nợ theo các hóa đơn bán lẻ ngày 15/10/2017 (al), hóa đơn bán lẻ ngày 20/6/2018 (al), hóa đơn bán lẻ ngày 05/7/2018 (al) (44.0000.000đồng). Tại biên bản làm việc ngày 17/03/2021 của Tòa án nhân D tỉnh Long An bà D xác nhận các chữ ký trong các giấy ghi hui và các hóa đơn trên là của bà D. Tuy nhiên, bà D trình bày đã đóng hui chết đầy đủ cho bà L vì chỗ chị em bạn tin tưởng nhau nên khi đóng hui bà không buộc bà L viết biên nhận. Đối với số tiền 344.860.000đồng là do bị bà L đe dọa ép buộc nên bà ký tên.

[4.4] Từ nhận định tại phần [4.1], [4.2] và [4.3] có cơ sở xác định bà D còn nợ bà L số tiền hui 344.860.000đồng, do đó bà L yêu cầu bà D trả số tiền trên có cơ sở. Bà D kháng cáo cho rằng không có nợ số tiền này, nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo phần này của D.

[5] Từ những nhận định trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà D, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí D sự phúc thẩm: Bà D phải chịu án phí D sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận theo Điều 29 Nghị quyết 326.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng D sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2020/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân D Thị xã Kiến Tường;

Căn cứ vào các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng D sự; các điều 280, 288 468, 471 Bộ luật D sự; các điều 27, 30, 37 của Luật hôn nhân gia đình. Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Mỹ L đối với bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hui”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới trả cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền hui đến ngày bà L khởi kiện (ngày 11/6/2020 dương lịch) là 464.860.000đồng (bốn trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, khoản tiền trên hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4. Về án phí Tố tụng Dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Thanh N phải liên đới chịu 22.594.000đồng (hai mươi hai triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) án phí Tố tụng Dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại cho bà Huỳnh Thị Mỹ L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.297.000đồng (mười một triệu hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009316 ngày 06/7/2020 của Chi cục Thi hành án Tố tụng thị xã Kiến Tường.

5. Về án phí Tố tụng Dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đồng án phí Tố tụng Dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà D đã nộp theo biên lai thu số 0009364 ngày 11/9/2020 của Chi cục Thi hành án Tố tụng thị xã Kiến Tường.

6. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Tố tụng Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án Tố tụng Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Tố tụng Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THADS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Phúc

